

Bản án số: 411/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09-7-2019

Về tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình;
2. Bà Tống Thị Kim Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Quách Thị H**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp I, xã T, huyện H, tỉnh G; địa chỉ liên hệ: Số 432/1 đường T, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Võ Hữu S**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số 4/11A đường P, Khu phố 1, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Quách Thị H trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Bà và ông Võ Hữu S qua thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân từ năm 2005, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn năm 2010 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01/2010 đăng ký ngày 18/01/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Mặc dù bà đã nhiều lần góp ý để ông S thay đổi nhưng mâu thuẫn không thể khắc phục được. Ông bà sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Do thời gian sống ly thân đã lâu, bà xác định tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Hữu S.

Về con chung: Bà và ông S có 01 con chung là Võ Hoài Đ, sinh ngày 23/5/2006. Hiện trẻ Đ đang sống với ông S. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu giao con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác nhận không có.

Bà H cam kết việc ly hôn của bà không nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý nào và bà chỉ nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7.

Bà H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 27/5/2019 bị đơn ông Võ Hữu S trình bày: Ông xác nhận quá trình kết hôn, chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà H trình bày. Theo ông S nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về mọi mặt nên thường xuyên cãi vã không thể hàn gắn được. Khoảng năm 2011, bà H tự dọn về nhà cha mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân khoảng 08 (tám) năm nay. Ông bà đã nhiều lần tìm cách giải quyết để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là trẻ Võ Hoài Đ, sinh ngày 23/5/2006. Hiện trẻ đang sống với ông. Sau khi ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác nhận không có.

Ông S có đơn Tòa án yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý...; về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Quách Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Võ Hữu S nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông Võ Hữu S cư trú tại Quận B nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B.

[2] Nguyên đơn bà Quách Thị H và bị đơn ông Võ Hữu S đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà Quách Thị H và ông Võ Hữu S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01/2010 đăng ký ngày 18/01/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp, cùng lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy, cả hai bên đương sự đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhưng không có giải pháp khắc phục, thời gian sống ly thân đã lâu và đều đề nghị Tòa án giải quyết vợ chồng được ly hôn. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng bà H ông S đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 55/2010, quyển số 01/2009 đăng ký ngày 07/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh G cùng lời thừa nhận của các đương sự đã có đủ cơ sở để kết luận: Bà H và ông S có 01 (một) con chung là Võ Hoài Đ (nam), sinh ngày 23/5/2006.

[6] Sau khi ly hôn, ông S và bà H đều thống nhất giao trẻ Võ Hoài Đ cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, thỏa thuận này phù hợp với các quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như sự phát triển ổn định của con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông S đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Quách Thị H được ly hôn với ông Võ Hữu S (Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyền số 01/2010 đăng ký ngày 18/01/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Bà Quách Thị H và ông Võ Hữu S có 01 (một) con chung là Võ Hoài Đ (nam), sinh ngày 23/5/2006.

Giao trẻ Võ Hoài Đ cho ông Võ Hữu S trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Bà H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Quách Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0026621 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Quách Thị H và ông Võ Hữu S có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (Thơm)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Sương